

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2017

Về việc tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Ngọc Dung.

2. Ông Lê Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hồng Văn G, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 14 tháng 7 năm 2017, nguyên đơn anh Hồng Văn G trình bày:

Anh Hồng Văn G và chị Nguyễn Thị N đã tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau. Anh G xác định trong đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không hợp tính tình, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vì vậy anh G và chị N đã ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh G yêu cầu xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh G và chị N có một người con chung tên Hồng C sinh năm 2008 hiện đang sống với chị N, sau khi ly hôn anh G đồng ý giao cháu C cho chị N nuôi dưỡng, anh G không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh G và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị N và anh G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn thể hiện nguyện vọng ngày 03 tháng 8 năm 2017 của cháu Hồng C có nguyện vọng theo chị N.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay anh G vẫn bảo lưu quan điểm là: yêu cầu xin được ly hôn với chị N. Về con chung đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng anh G không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Hồng Văn G và chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau. Do đó hôn nhân giữa anh G và chị N là hôn nhân hợp pháp. Anh G và chị N đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên anh G yêu cầu ly hôn chị N đồng ý. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh G được ly hôn đối với chị N.

[3] Về con chung: Anh Hồng Văn G và chị Nguyễn Thị N 01 người con chung tên Hồng C, sinh năm 2008. Xét thấy, cháu C hiện nay đã hơn 07 tuổi cháu có nguyện vọng theo chị N và chị N đồng ý nuôi dưỡng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu C cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh Hồng Văn G và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh G phải nộp là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của anh G được chuyển thu.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị N tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Hồng Văn G được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao con tên Hồng C, sinh năm 2008 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu C, chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Hồng Văn G có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của chị Nguyễn Thị N.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh Hồng Văn G và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Hồng Văn G phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của anh Hồng Văn G 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013746 ngày 14 tháng 7 năm 2017 được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh

